TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhặc
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 390/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 610/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 672/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1985. Nơi cư trú: : Ấp B, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai anh Nguyễn Minh C trình bày:

Anh C và chị L quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận ngày 28/12/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cãi vả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân đến nay gần hai năm. Trong thời gian ly thân, cả hai không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên anh C xin ly hôn với chị L. Về con chung: Có một con chung là Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày 19/3/2008. Khi ly hôn, anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, chị L không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo qui định tại điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh C, cụ thể: Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L. Về con chung: Anh Nguyễn Minh C được quyền nuôi con chung là Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày 19/3/2008, chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Minh C. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của anh Nguyễn Minh C đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Mỹ L có nơi cư trú tại xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh C và chị Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Anh C cho rằng hôn nhân giữa anh và chị L không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với chị L. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ được.

Quá trình Tòa án giải quyết thì chị L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của chị về hôn nhân giữa chị L và anh C và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị L đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Anh C và chị L có một con chung là Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày 19/3/2008. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xết thấy, cháu Nguyễn Thị Diễm X sống cùng anh C từ khi anh C và chị L sống ly thân cho đến nay, anh C cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con; khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Nguyễn Thị Diễm X có nguyên vọng được sống cùng anh C khi anh C và chị L ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Nguyễn Thị Diễm X cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, giao con chung là Nguyễn Thị Diễm X cho anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung; chị L vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị L về việc yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí:

Anh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh C, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Diễm X, sinh ngày 19/3/2008 anh Nguyễn Minh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Mỹ L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Minh C không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, anh Nguyễn Minh C, với chị Nguyễn Thị Mỹ L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, anh Nguyễn Minh C, với chị Nguyễn Thị Mỹ L có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Anh Nguyễn Minh C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0003728 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre (1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Ngãi Đăng (1b) ;
- Lưu HS, VP (3b) TC:9b .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Trang